

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 204/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Văn N, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 15, đường 3, phố X, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: Số nhà 18, ngõ 108, đường T, phố S, phường B, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 15, đường 3, phố X, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: Số nhà 97, ngõ 522, đường T, phố L, phường S, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị M.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
  - 2.1. Về con chung: Giao cháu Trần Trung K, sinh ngày 30 tháng 09 năm 2019 cho anh Trần Văn N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị M

không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở

2.2. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị M không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Trần Văn N nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001640 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

Trả lại anh Trần Văn N cho 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Ninh Bình;
- Chi cục THADS thành phố Ninh Bình;
- UBND phường Nam Bình, thành phố Ninh Bình.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thanh Phương**